

Bản án số: 20/2018/HSST

Ngày: 23/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Gia Huệ

Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Hoàng M Đ

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 và ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lưu Văn M, sinh ngày 10/01/1992 tại Hà Nội.

ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm Đ, thôn ĐT, xã BS, huyện SS, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn Q, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Có vợ là Hoàng Thị Y, sinh năm 1992 và có 02 con, lớn sinh năm 2011 nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

2. Trần Văn N, sinh ngày 10/4/1991 tại tỉnh Thái Nguyên.

ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm TG, xã VP, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không xác định (Theo bị cáo khai và mẹ bị cáo xác nhận tại phiên tòa con ông Nguyễn Văn B) và bà Trần Thị N1, sinh năm 1963. Bị cáo là con duy nhất; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2017 đến ngày 02/01/2018. Hiện đang tại ngoại. (Có mặt).

3. Nguyễn Văn H, sinh 10/11/1993 tại Hà Nội.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn ĐT, xã BS, huyện SS, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1966. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại (Có mặt).

4. Nguyễn Văn Q1, sinh 04/4/1989 tại Hà Nội.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn ĐT, xã BS, huyện SS, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1966. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt).

5. Đỗ Minh C, sinh 28/11/1994 tại Hà Nội.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn LĐ, xã BS, huyện SS, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn N2, sinh năm 1971 và bà Ngô Thị L1, sinh năm 1972; Có vợ là Giàng Thị D, sinh năm 1996; Chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2015, Phòng Cảnh sát hình sự - Công an thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ”. Mức hình phạt 2.500.000đ; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt).

6. Nguyễn Anh T, sinh 10/11/1993 tại Hà Nội.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn LĐ, xã BS, huyện SS, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Công nhân (hiện nay không làm công nhân nữa); Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N3 (đã chết) và bà Ngô Thị T4, sinh năm 1973; Có vợ là Vũ Thị N4, sinh năm 1995 và 01 con, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo L ưu Văn M do Tòa án yêu cầu, đoàn luật sư cử: Ông Nguyễn Văn T1 - Luật sư Văn phòng luật sư AT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên - có mặt.

* Người bào chữa cho hai bị cáo Đỗ Minh C và Nguyễn Anh T do hai bị cáo nhờ: Bà Trần Thu T2 và bà Lương Thúy D1 luật sư văn phòng luật sư TP, đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

* Người bị hại:

- 1) Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1995 (đã chết).
- 2) Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1993 (có mặt)
- 3) Anh Đỗ Minh C , sinh năm 1994 (có mặt)

Đều trú tại: Thôn LĐ, xã BS, huyện SS, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện hợp pháp của người bị hại anh T3:

Bà Ngô Thị T4, sinh năm 1973 (có mặt).

Trú tại: Thôn LĐ, xã BS, huyện SS, thành phố Hà Nội.

* Người bảo vệ quyền lợi cho người đại diện hợp pháp cho người bị hại do người đại diện hợp pháp cho người bị hại nhờ: Bà Trần Thu T2 và bà Lương Thúy D1 luật sư văn phòng luật sư TP, đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1963 (có mặt).

Trú tại: Xóm TG, xã VP, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Trần Văn Th, sinh năm 1982 (có mặt)

Trú tại: Xóm VK, xã VP, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Vũ Thị N4, sinh năm 1995 (có mặt)

Trú tại: Thôn LĐ, xã BS, huyện SS, Thành phố Hà Nội.

* Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1994 (có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1994 (vắng mặt)

3. Anh Đỗ Đình Đ, sinh năm 1995 (vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Tiến L2, sinh năm 1988 (có mặt)

Đều trú tại: Thôn ĐT, xã BS, huyện SS, Thành phố Hà Nội.

5. Anh Dương Văn H2, sinh năm 1996 (có mặt)

Trú tại: Thôn LĐ, xã BS, huyện SS, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ ngày 20/6/2017, Nguyễn Văn H lái xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , BKS 29 S6- 190.70 chở anh trai là Nguyễn Văn Q1, và Lưu Văn M đi đến quán bia của anh Trần Văn Th, sinh năm 1982, ở xóm VK, xã VP, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Trên đường đi, tới đoạn đường thuộc thôn ĐT, xã BS, huyện SS, thành phố Hà Nội xảy ra mâu thuẫn do tránh xe của nhau giữa H, Q1, M với Nguyễn Văn T3, sinh năm 1995 và Dương Văn H2, sinh năm 1996, đều trú tại thôn LĐ, xã BS, huyện SS, thành phố Hà Nội đi trên xe mô tô nhãn hiệu Dream, BKS: 29S6- 071.26 đi ngược chiều do T3 điều khiển. Q1 và M xuống xe, nhặt gạch đuổi đánh nhóm T3, H2 nhưng T3, H2 bỏ chạy và không bị thương tích. Q1 và M quay lại dùng gạch ném, đập xe mô tô của H2, sau đó H tiếp tục lái xe mô tô chở Q1, M đến quán bia của anh Th, trên đường đi Q1, H, M gặp Nguyễn Anh T đang điều khiển xe mô tô Honda SH, BKS 29S6-540.43 đi ngược chiều, M nói ném gạch kìa thì M và Q1 nhảy xuống xe nhưng T đã điều khiển xe đi và không xảy ra xô xát. H tiếp tục chở Q1, M đi, H nói “Bọn nó chắc đi tìm mình đây”, M nói “Thích thì đánh cho một trận”, Q1 đồng ý, khi tới quán bia nhà anh Th, nhóm của M gặp Nguyễn Văn D2, sinh

năm 1993, Đỗ Đình Đ, sinh năm 1995 và Nguyễn Tiến L2, sinh năm 1986, đều trú tại thôn ĐT, xã BS đang ngồi uống bia. Đến cửa quán, M lấy từ túi xách đang đeo trên người (là túi xách M cầm hộ bạn là Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1994, trú tại thôn ĐT, xã BS từ trước) ra 01 con dao bằng kim loại, dạng dao gấp, dài khoảng 20cm và nói với H, Q1 “Tí chúng nó đến tìm thì đâm chết” rồi lại cất dao vào trong túi. Tiếp đó, H gọi thêm Trần Văn N, sinh năm 1991 đến quán anh Th để uống bia, tại đây, M kể với D2, Đ, L2 về việc vừa đi uống rượu và có đánh nhau.

Sau khi xảy ra mâu thuẫn với nhóm của M, T3 gọi điện cho anh trai là Nguyễn Anh T cùng Đỗ Minh C đến khu vực xảy ra việc bị đập xe mô tô, T nói cho C biết vừa gặp nhóm đánh nhau với T3 đi sang hướng xã VP, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên, rồi chờ C đi trước bằng xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, BKS: 29S6- 540.43 còn T3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, BKS 20H1- 041.91 đi sau. Khi đi qua ngã ba đường đi về UBND xã VP và đường dân sinh vào xóm VK, T3 nói “Chúng nó đây rồi” và chỉ về phía quán bia nhà anh Th, T lái xe dừng ở 01 kiêu gạch ven đường bảo C nhặt gạch mang theo, C không nhặt còn T nhặt 02 viên gạch để ở vị trí để chân của xe mô tô rồi đi đến quán bia nhà anh Th. Đến nơi, T dừng xe ở cửa quán, C cầm 01 gậy dạng tuýp bằng kim loại đi vào trước, T đi vào sau thì T3 cũng đi đến dừng xe ở cửa rồi vào trong quán, C chỉ tay vào những người trong quán chửi tục và hỏi ai vừa đánh T3, T cũng văng tục và hỏi ai đánh T3. T3 đi vào sau và nhằm tướng L2 trong nhóm của M khi đập xe của T3 nên chỉ tay vào L2 và nói “Thằng này vừa đánh em”. C dùng gậy vụt vào lưng và chân L2 02 phát, M và Q1 đứng dậy mỗi người cầm 01 ghế Inox của quán ném về phía C, C đuổi đánh L2 ra góc bếp thì L2 dùng chân tay đánh lại, H lao vào đánh C bằng chân tay. Q1 nhặt 01 con dao bằng kim loại (dạng dao thái phở) của quán bia nhà anh Th chạy ra ngoài vườn nhà anh Th; H ra vườn nhặt 01 cán chổi bằng tre dài 1,14m) đuổi theo C; N thấy vậy liền nhặt 02 nửa viên gạch ném về phía C nhưng không trúng. Cùng lúc này, T3 cầm ghế Inox lao vào đánh M 02 nhát, M dùng ghế đỡ được sau đó dùng tay phải lấy từ túi xách đang đeo ra 01 con dao (dạng dao gấp, dài tổng thể khoảng 20cm, phần rộng nhất của lưỡi dao khoảng 02cm, dao có 01 đầu nhọn, 01 lưỡi sắc) dùng ngón cái bấm mở lưỡi dao, M cầm dao ở tay phải, lưỡi dao hướng ra từ ngón cái đâm 01 nhát từ dưới lên trên, từ phải qua trái trúng vào bên trái cổ T3. T3 kêu to là đã bị đâm và bỏ chạy ra ngoài quán. C nghe thấy tiếng T3 kêu liền chạy vào trong quán; Q1 ném dao ở vườn rồi cùng H đuổi theo C; M cầm dao đâm 01 nhát vào bên phải ngực của C, C dùng gậy bằng kim loại vụt lại vào đầu và người của M; H cầm cán chổi bằng tre vụt vào C 02 nhát; C tiếp tục chạy ra ngoài quán bia thì M cầm dao đuổi theo. T thấy M đuổi theo C liền nhặt 01 con dao khác bằng kim loại (dạng dao thái phở của gia đình anh Th) ném về phía M và chạy tới vị trí dao rơi thì bị ngã; M cầm dao ở tay phải, mũi dao

hướng ra từ ngón út đâm về phía T 03 nhát từ trên xuống, 01 nhát trúng vào gò má trái, 01 nhát vào cổ tay trái và 01 nhát vào sườn trái của T, T vùng dậy bỏ chạy. N đi từ trong quán bia chạy ra thấy nhóm T3 đã bỏ chạy hết, N nhát 01 con dao bằng kim loại (dạng dao quắm dài 84cm, một lưỡi sắc, chuôi gỗ dài 44,5cm) chém 02 nhát vào xe honda SH của T, T bỏ chạy được 01 đoạn thì gặp T3 đang nằm ở ven đường, T cởi áo đang mặc để cầm máu từ cổ T3 nhưng không được nên vứt chiếc áo ra ven đường. Sau đó C, T, T3 được đưa đi cấp cứu nhưng T3 đã chết trước khi đến bệnh viện, còn T đến bệnh viện đa khoa Xanh Pôn, thành phố Hà Nội cấp cứu điều trị từ ngày 21/6/2017 đến ngày 05/7/2017 ra viện. C sơ cứu tại bệnh viện Đa khoa Sóc Sơn đến ngày 22/6/2017 ra viện. M ném con dao vừa sử dụng đâm nhóm T3 về phía vườn đôi diện của quán bia nhà anh Th rồi đến bệnh viện Quân Y 91, thị xã Phổ Yên để cấp cứu đến ngày 21/6/2017 thì ra viện. Sau khi vụ việc xảy ra, cơ quan điều tra đã phối hợp với công an xã Vạn Phái truy tìm vật chứng của vụ án là con dao gấp mà M dùng để gây án và chiếc gậy bằng kim loại nhưng kết quả không thu giữ được.

Quá trình khám nghiệm hiện trường xác định:

Tại quán bia, tạp hóa của gia đình anh Trần Văn Th, quán được làm bằng cột sắt xung quanh bịt bằng các tấm tôn và lưới sắt B40, mái tôn khung sắt có một cửa chính quay hướng Bắc, ra phía đường dân sinh cửa kích thước (3,65 x 2,15)m, cửa được làm bằng tôn khung sắt mở ra phía ngoài, phía trong quán có một dãy bàn dọc, bốn dãy bàn ngang một bên, ở giữa có một lối đi lại rộng trung bình 1,5m. Phía sau dãy bàn dọc là khu vực để hàng, tủ bảo ôn, bếp nấu của quán. Quán không lắp đặt hệ thống camera giám sát.

Tại khu vực dãy bàn ngang, giữa dãy bàn thứ nhất và thứ hai tính từ cửa vào trong, cách cửa chính của quán 2,55m, trên nền nhà lát xi măng có vết máu chảy đọng kích thước (1,70 x 0,75)m. Xung quanh vết máu, trên mặt bàn, trên ghế nhựa lộn xộn có bầm dính máu chảy đọng, nhỏ giọt, phun bắn trong diện kích thước (2,30 x 1,20)m (vết máu chảy đọng số 01). Ký hiệu A1.

Tại lối đi lại trong quán, cách cửa chính của quán 2,6m phát hiện một đôi dép nhựa màu trắng; một đôi dép nhựa màu đen, một đôi dép tông màu đen; Cách vị trí phát hiện ba đôi dép về phía Đông 30cm phát hiện một áo phông cộc tay màu xanh, bên trên áo có bầm dính máu dạng phun bắn.

Cách vị trí phát hiện ba đôi dép về phía Nam 1,7m ở trên lối đi lại trong quán có vết máu chảy đọng kích thước (0,9 x 0,6)m (vết máu chảy đọng số 02). Ký hiệu A2.

Lối đi ra khu vực vườn cách cửa sau 1,5m về phía Nam phát hiện một ống nứa dài 1,14m, đường kính 2,5cm, một đầu ống nứa bị vỡ dập, trên ống nứa có bầm dính máu. Ký hiệu A7.

Trong khu vực vườn, cách quán 5,5m về phía Đông phát hiện một đôi dép tông màu đen, cách đôi dép tông này 02m về phía Đông phát hiện một áo phông

cộc tay màu đen; Cách quán 15m về phía Đông Nam phát hiện một ghế Inox màu trắng cao 45cm, mặt ghế tròn đường kính 27cm.

Tại phía trước cửa chuồng gà, cách tường phía Đông cửa quán anh Th 2,30m phát hiện một ghế Inox màu trắng cao 45cm, mặt ghế tròn đường kính 27cm, trên ghế có vết máu bám dính. Từ chuồng gà nhà anh Th ra khu vực vườn phía sau quán có một cửa ra vào bằng khung sắt lưới B40 kích thước (1,8 x 1,5)m cửa hai cánh ở trạng thái mở.

Cách cửa chính quán anh Th 4,5m về phía Bắc, ngay sát mép đường phát hiện có một xe mô tô Honda Wave BKS 20H1-041.91, màu đen đổ nằm nghiêng, đầu xe quay hướng Tây vào trong xóm VK, xã VP, đuôi xe quay hướng Đông ra phía ngã ba.

Cách cửa quán anh Th 6,5m về phía Bắc, ở chính giữa đường phát hiện một xe mô tô Honda SH BKS: 29S6-540.43 được dựng đứng bằng chân chống phụ, xe màu đen- cam. Tại phần yên xe có một viên gạch màu đỏ có kích thước (22 x 9,5 x 5)cm, ở vị trí để chân phát hiện một viên gạch màu đỏ có kích thước (21 x 9,5 x 5)cm; Đầu xe quay ra phía ngã ba.

Đường dân sinh vào xóm Vạn Kim được đổ bê tông rộng trung bình 3,5m; cách quán anh Th 17,5m về phía Đông Bắc, cách chính tâm vị trí ngã ba 7,5m về phía Tây Nam; Trên mặt đường ở chính giữa đường có vết máu chảy đọng kích thước (1,85 x 1,40)m (vết máu chảy đọng số 03). Ký hiệu A3.

Đường dân sinh đi xã Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội rộng trung bình 3,5m, mặt đường đất; trên mặt đường cách cột mốc phân giới 8,5m về phía Nam phát hiện hai nửa viên gạch màu đỏ có kích thước lần lượt là (9 x 9 x 5)cm và (13 x 9 x 5)cm.

Tại mép đường bên trái hướng từ ngã ba đi Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội, cách cột mốc phân giới 11,5m phát hiện 01 ghế nhựa màu vàng mặt ghế kích thước (30 x 34)cm, mặt ghế cao 34cm, trên ghế có bám dính nhiều máu, xung quanh vị trí ghế nhựa này có vết máu chảy đọng bám dính trên mặt lá cây có trong diện kích thước (60 x 45)cm (vết máu chảy đọng số 04). Ký hiệu A4.

Cách vị trí vết máu chảy đọng số 04 về phía Nam 15m, sát mép đường bên trái hướng từ ngã ba đi xã Bắc Sơn, Sóc Sơn, ngay sát vũng nước có vết máu chảy đọng kích thước (1,2 x 0,5)m (vết máu chảy đọng số 05). Ký hiệu A5; Cách vết máu này 01m về phía Đông phát hiện 01 áo phong cộc tay màu đen đã cũ, trên áo có bám dính máu; cách vết máu này về phía Nam trong đoạn đường dài 05m, trên mặt đường có vết máu nhỏ giọt.

Trên lối đi lại từ vết máu chảy đọng số 02 ra đến vị trí phát hiện vết máu chảy đọng số 05, trong độ dài 150m có nhiều vết máu nhỏ giọt rải rác, có chiều hướng từ phía trong quán anh Th ra vị trí vết máu số 05, vết máu tập trung nhiều từ vị trí trong quán anh Th ra đến vị trí ngã ba và giảm dần từ ngã ba ra đến vị trí vết máu chảy đọng số 05. Ký hiệu A8.

Tại mép đường dân sinh bên phải hướng từ trong quán anh Th ra ngã ba, cách cửa quán anh Th 07m phát hiện một dao bằng sắt chuôi gỗ, một lưỡi sắc, dao dài 32cm, bản rộng 10cm, chuôi dao dài 11,5cm trên dao có bảm dính máu. Ký hiệu A6.

Tại mép đường bên trái đường dân sinh hướng từ trong quán anh Th ra ngã ba, cách cửa quán anh Th 7,8m phát hiện một đoạn gậy gỗ dài 1,5m, đường kính 5,5cm.

Cách cửa quán anh Th 35cm về phía Tây, sát mép đường bên trái hướng từ trong quán anh Th vào xóm Vạn Kim, sát tường rào nhà anh Ngọc phát hiện một dao quắm dài 84cm, một lưỡi sắc, chuôi gỗ dài 44,5cm.

* Khám nghiệm tử thi Nguyễn Văn T3 xác định:

+ Chiều dài tử thi 1,76m, thể tạng cao to.

+ Các dấu vết, tổn thương trên cơ thể:

- Mi trên mắt trái có dấu vết xây xước da kích thước (3,5 x 3)cm.

- Môi trên bên phải có dấu vết xây xước da kích thước (2 x 1,5)cm.

- Cằm có vết xây xước rách da kích thước (2 x 1)cm

- Tại vùng cổ bên trái có vết rách thủng da cơ sâu thấu vào trong có kích thước (2,7 x 1)cm bờ mép sắc gọn, góc trên tù, góc dưới nhọn sâu 7cm, có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải, vết thương dưới rai tai trái 5cm.

- Ngực bên phải sát dưới núm vú phải có vết xây xước da kích thước (11 x 7)cm.

- Màng sườn bên trái có vết xây xước da kích thước (4 x 15)cm.

- Màng sườn bên phải có vết xây xước da kích thước (7 x 0,1)cm.

- Mặt ngoài khuỷu tay trái có vết xây xước da kích thước (4 x 1)cm.

- Đầu gối trái bị xây xước da rải rác trong diện (14 x 7)cm.

- Đầu ngón 1 bàn chân trái bị mài trượt da cơ, đầu ngón 1, ngón 2 bàn chân phải cũng bị mài trượt da cơ.

- Ngoài ra trên tử thi không phát hiện dấu vết khác, hệ thống xương khớp không bị sai, gãy, rạn vỡ.

- Vết thương vùng cổ bên trái có đáy là một góc nhọn

+ Mô tử thi:

- Tổ chức dưới da và cơ vùng cổ bên trái bị ngấm máu

- Đứt động mạch, tĩnh mạch cảnh bên trái

- Trong dạ dày có chứa cơm, thức ăn chưa tiêu hóa.

* Qua giám định kết quả như sau:

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 793 ngày 27/6/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Nguyễn Văn T3 bị vật sắc nhọn đâm vào vùng cổ trái gây đứt động mạch cảnh, tĩnh mạch cảnh, mất máu cấp, suy tuần hoàn cấp dẫn đến chết.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Thái Nguyên kết luận:

- Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 227 ngày 11/8/2017 kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Nguyễn Anh T là 20%.

- Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 226 ngày 11/8/2017 kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Đỗ Minh C là 2%.

- Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 228 ngày 11/8/2017 kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Lưu Văn M là 4%.

Tại bản kết luận giám định số 374 ngày 31/8/2017 của Viện khoa học Hình sự, Tổng cục Cảnh sát kết luận:

- Các mẫu máu thu giữ tại hiện trường ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5 là máu Nguyễn Văn T3.

- Các dấu vết nghi máu bám dính trên con dao ký hiệu A6 và mẫu nghi máu ký hiệu A8 là máu của Nguyễn Anh T.

- Trên đoạn ống nứa ký hiệu A7 có bám dính máu của một người nam giới không phải máu của Nguyễn Văn T3, Đỗ Minh C, Nguyễn Anh T, Lưu Văn M.

Tại bản kết luận giám định số 4736 ngày 30/11/2017 của Viện khoa học Hình sự, Tổng cục Cảnh sát kết luận: Trần Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q1, Đỗ Đình Đ, Nguyễn Tiến L2 và Trần Văn N không phải là người đã để lại dấu vết máu trên đoạn ống nứa ký hiệu A7.

* Tại kết luận số 2595 ngày 26/7/2017 của Hội đồng định giá tỉnh Thái Nguyên kết luận giá trị bị thiệt hại của xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu Honda SH 125i, BKS 29S6- 540.43 tại thời điểm xảy ra vụ việc và tại thời điểm xác định giá là 5.700.000đ.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 xe mô tô Honda SH 125i, BKS 29S6- 540.43 đã trả lại cho chủ sở hữu là Nguyễn Anh T quản lý sử dụng.

- 02 viên gạch, cùng có kích thước (21 x 9,5 x 5) cm.

- 02 nửa viên gạch màu đỏ có kích thước lần lượt là (9 x 9 x 5)cm và (13 x 9 x 5)cm.

- 01 dao quắm dài 84cm, một lưỡi sắc, chuôi gỗ dài 44,5cm.

- 01 ghế Inox màu trắng cao 45cm, mặt ghế tròn đường kính 27cm.

- 01 đôi dép nhựa màu trắng, 01 đôi dép nhựa màu đen, 01 đôi dép tông màu đen.

- 01 đôi dép tông màu đen

- 01 áo phông cộc tay màu đen

- 01 áo phông cộc tay màu xanh

- 01 áo phông cộc tay màu đen đã cũ, trên áo có chữ DESIGNERFASHIONMAN.

- 01 áo sơ mi dài tay màu sáng, trên ngực áo có logo Samsung màu xanh.

- 01 chiếc áo phông cộc tay màu ghi sáng, cổ áo có khóa kéo.

- 02 chìa khóa bằng kim loại

- 01 bì niêm phong dấu Viện Khoa học hình sự- Tổng cục Cảnh sát có số 3748/C54 (TT3).

- 01 bì niêm phong dấu Viện Khoa học hình sự- Tổng cục Cảnh sát có số 4736/C54 (TT3).

Ngoài ra, còn có một số các tài sản cơ quan điều tra đã tạm giữ trong quá trình điều tra gồm:

- Số tiền 4.000.000đ (Bị cáo H và bị cáo Q1 tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra để bồi thường thiệt hại).

- 01 thẻ cứng có logo Samsung màu xanh in tên Nguyễn Anh T.

- 240 chiếc mặt trước kính cường lực kích thước mỗi chiếc (07 x 15,5)cm; 04 chiếc mặt trước kính cường lực kích thước mỗi chiếc (6,5 x 14,5)cm; Số tiền 82.000đ (tạm giữ trong cốp xe mô tô Honda SH 125i, BKS 29S6- 540.43 của bị cáo T).

- 01 cặp sách màu nâu có các chấm sáng hình tròn và có chữ G, cặp có quai đeo màu nâu; Cặp gồm 01 ngăn chính và có 03 ngăn phụ, đã qua sử dụng (tạm giữ của người làm chứng)

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model 1280, màu đen, có số IMEI 355862/01/594905/4, đã qua sử dụng (tạm giữ của bị cáo N).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model 1202, màu đen, nắp lưng màu xanh đã hỏng, có số IMEI 358285/89/699365/1, đã qua sử dụng (tạm giữ của bị cáo M).

Bà Ngô Thị T4 là người đại diện cho bị hại Nguyễn Văn T3 đề nghị bị cáo Lưu Văn M bồi thường số tiền 153.800.000đ; Đỗ Minh C đề nghị bị cáo M bồi thường số tiền 3.000.000đ; Nguyễn Anh T đề nghị bị cáo M bồi thường số tiền là 94.398.000đ.

Quá trình điều tra bà Trần Thị N1 là mẹ Trần Văn N đã bồi thường cho Anh T số tiền 5.700.000đ đối với việc N làm hư hỏng chiếc xe Honda SH của T. Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Văn H mỗi người tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra 2.000.000đ để bồi thường cho gia đình người bị hại Nguyễn Văn T3.

Bản cáo trạng số 02/KSĐT-TA ngày 08/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố Lưu Văn M về các tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Trần Văn N về các tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1, Điều 245 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ

luật hình sự năm 1999. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q1, Đỗ Minh C và Nguyễn Anh T về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo M, N, H, Q1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình C, T lúc đầu khai nhận nhưng sau đó các bị cáo cho rằng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo là oan.

Phản luận tội đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, các căn cứ quy kết hành vi phạm tội của các bị cáo xác định việc truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, phân tích tính chất vụ án, hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Văn M phạm các tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo Trần Văn N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q1, Đỗ Minh C và Nguyễn Anh T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Bị cáo Lưu Văn M mức án từ 14 năm tù đến 15 năm tù về tội “Giết người”, từ 02 năm tù đến 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 245; khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội Cố ý làm hư hỏng tài sản), Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Trần Văn N từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, 12 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo H và Q1), xử phạt Nguyễn Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù; Nguyễn Văn Q1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù; Đỗ Minh C từ 09 tháng đến 12 tháng tù; Nguyễn Anh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Các bên đã thỏa thuận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và trừ đi số tiền các bị cáo đã bồi thường; về vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiêu hủy số vật chứng không còn giá trị sử dụng: Trả cho gia đình anh T3 82.000đ và số tiền 4.000.000đ bị cáo H và Q1 tự nguyện bồi thường, tạm giữ 02 điện thoại của bị cáo N và M để thi hành án; Trả cho anh Tr 01 cặp sách màu nâu; Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo M, N, H và Q1 không tranh luận gì.

Luật sư bào chữa cho bị cáo M: Trình bày tóm tắt nội dung vụ án xác định bị cáo T và C có một phần lỗi, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo M thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Quá trình tạm giam bị cáo tác động về gia đình khắc phục một phần hậu quả bồi thường cho gia đình người bị hại và những người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo M các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, gia đình bị cáo là hộ nghèo, bà con trong xóm có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, đề nghị cho bị cáo được hưởng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 nên mức hình phạt phù hợp với chính sách pháp luật của Nhà nước ta đối với bị cáo.

Bị cáo C tranh luận: Bị cáo đến hỏi chuyện nhóm của M về việc phá xe và đánh T3, H2, bị cáo không có mục đích đánh nhau, khi đến quán của anh Th thì bị nhóm của M đánh trước, trả nhẽ cứ đứng im để mọi người đánh à. Bị cáo không phạm tội gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo T tranh luận: Ba anh em bị cáo chỉ đến đây nói chuyện chứ không có ý định đánh nhau, bị cáo bị nhóm của M đánh trước, luận tội nêu người nhà bị cáo M đã bồi thường cho gia đình bị cáo cũng như bị cáo là không đúng, vì khi Hội đồng xét xử đưa giấy triệu tập thì gia đình mới đến bồi thường nhưng gia đình bị cáo và bị cáo không nhận.

Luật sư Trần Thu T2 bào chữa cho bị cáo C và T: Luận tội của Viện kiểm sát mâu thuẫn với chính bản cáo trạng (Q1, M xuống xe thì H2 và T3 bỏ chạy), chính vì việc đó T và C quay lại hỏi nhóm của M về việc T3 bị đánh và đập xe, luận tội xác định C đánh nhằm L2, không có mâu thuẫn thì T và C không đến, phải tính từ thời điểm M, Q1, H va chạm với T3 và H2 trước dẫn đến việc T, C đến quán bia nhà anh Th thì C và T bị tấn công trước, việc xảy ra C và T có lỗi một phần nhưng không đến mức phải truy tố, việc truy tố C và T phạm tội Điều 245 là không đúng, đề nghị Viện kiểm sát nên rút phần truy tố đối với C và T, chính Luật sư bào chữa cho bị cáo M cũng nói C, T có lỗi nhưng chưa đến mức phải xem xét trách nhiệm hình sự.

Luật sư Lương Thúy D1 bào chữa cho bị cáo C và T: Bị cáo M chỉ bị truy tố về tội “Giết người” với tình tiết có tính chất côn đồ là chưa đủ, vì chỉ trong ít phút mà bị cáo M đâm liên 3 người, T bỏ chạy M vẫn tiếp tục đâm một nhát vào hông sườn. Đối với vết đâm của C vào gáy rất nguy hiểm, bị cáo M cố ý giết nhiều người không phải chỉ có giết một mình T3.

Viện kiểm sát đối đáp:

- Đối với lời bào chữa của Luật sư T1: Luật sư đồng tình với tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ Viện kiểm sát đã áp dụng đối với bị cáo, Luật sư bổ sung thêm bị cáo là hộ nghèo đề nghị cho bị cáo hưởng khoản 2 Điều 51 Bộ luật

hình sự năm 2015. Viện kiểm sát đề nghị không buộc bị cáo chịu án phí vì bị cáo là hộ nghèo.

- Đối với ý kiến của bị cáo C: Từ thái độ hùng hổ của bị cáo, bị cáo mang hung khí đến để giải quyết, hành vi của bị cáo đã được các nhân chứng khai báo rất rõ, hậu quả là anh T3 đã chết, do vậy việc truy tố bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” là hoàn toàn có căn cứ.

- Đối với ý kiến của bị cáo T: Như đã đối đáp với ý kiến của bị cáo C; Bị cáo M mong muốn được bồi thường và gia đình bị cáo đã nộp 23.000.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự.

- Đối với ý kiến của Luật sư T2: Luận tội không có gì mâu thuẫn với nội dung cáo trạng, việc C chỉ quay lại nói chuyện không có ý định đánh nhau thì Viện kiểm sát đã đối đáp C đánh nhằm là đúng, do bản tính xử sự rất côn đồ; thời điểm xảy ra phải tính từ điểm va chạm ở Sóc Sơn, đó chỉ là nguyên nhân điều kiện xảy ra ở đây sự việc đã được chấm dứt rồi, nhưng T và C vẫn tìm đến nhóm M dẫn đến hậu quả anh T3 chết. Đây là vụ án xảy ra chết người có việc ẩu đả hậu quả xảy ra được cụ thể. Theo Nghị quyết số 02 ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao T và C bị truy tố về tội gây rối là có căn cứ.

- Đối với ý kiến của Luật sư D1: Ban đầu M có ý thức chờ nếu bên kia đến sẽ đánh nhau. Trước đó M không có ý thức tước đi sinh mạng của những người bị hại hậu quả đến đâu thì xử lý đến đấy.

Luật sư T2: Việc xe của anh T3 bị đập thì C và T phải quay lại, suy luận theo ý thức chủ quan thì tất cả những người làm chứng đều khai không khách quan, vì những người làm chứng này có mối quen biết với nhóm của M.

Luật sư D1: Bị cáo M không có ý thức tước đi sinh mạng của người khác là không có căn cứ, vì bị cáo đã nhận trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, trong ít phút bị cáo đâm liên tiếp 3 người .

Viện kiểm sát: Luật sư cho rằng lời khai của nhân chứng không khách quan thì luật sư phải đưa ra được họ khai không khách quan ở chỗ nào, bị cáo M rất côn đồ thì Viện kiểm sát đã truy tố; nếu bị cáo C và T không đi tìm nhóm của M thì sự việc đã không xảy ra vật dụng bị cáo C và T mang theo đã được làm rõ.

Luật sư Dung: Áp dụng còn thiếu điểm a đối với M là giết nhiều người; Bị cáo C mang theo tuýp sắt thì phải có ở hiện trường.

Viện kiểm sát: Sau khi sự việc xảy ra cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã truy tìm vật chứng, việc không thu giữ được là còn nhiều vấn đề khác, kể cả con dao của M dùng đâm T3, T và C cũng không thu được.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại bà T4 không tranh luận gì; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N1, anh Th, chị N4 không tranh luận gì.

Các Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Không có ý kiến tranh luận gì vì về phần dân sự bị cáo M và gia đình người bị hại, những người bị hại đã thỏa thuận xong.

Lời nói sau cùng các bị cáo M, N, H, Q1 đều ân hận với hành vi đã gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Các bị cáo C, T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của các bị cáo không phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo C và T cho rằng quyết định khởi tố truy tố đối với hai bị cáo là không đúng. Sau khi xem xét Hội đồng xét xử thấy hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng trình tự quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lưu Văn M, Trần Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q1 thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo là đúng không oan. Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo là khách quan phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, phù hợp với vật chứng đã thu giữ cùng lời khai của những người làm chứng. Còn bị cáo Đỗ Minh C và Nguyễn Anh T quá trình điều tra các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phần đầu ngay tại phiên tòa các bị cáo khẳng định Viện kiểm sát truy tố đối với hai bị cáo là đúng sau đó cả hai bị cáo cho rằng Viện kiểm sát truy tố hai bị cáo về tội gây rối trật tự công cộng là không đúng tội, lời nại ra của các bị cáo là nhằm trốn tránh trách nhiệm hình sự, vì căn cứ vào lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Th đã khai trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, lời khai của những người làm chứng như anh Đ và anh D2 mặc dù tại phiên tòa ngày hôm nay vắng mặt nhưng đều khai tại cơ quan điều tra khẳng định việc C và T đến quán anh Th, C đã dùng tuýp sắt đánh nhằm anh L2 hai bên xảy ra xô xát M đã dùng dao đâm anh T3, anh T, anh C, hậu quả anh T3 chết, còn C và T bị thương. Xét lời khai của anh Th, anh D2, anh Đ là khách quan phù hợp với lời khai của các bị cáo M, H, Q1, phù hợp với một phần lời khai của các bị cáo T, C khai trong quá trình điều tra và một phần lời khai tại phiên tòa hôm nay về thời gian, địa điểm diễn biến sự việc. Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm

tử thi, bệnh án điều trị, kết quả giám định của cơ quan chuyên môn, vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 21 giờ ngày 20/6/2017, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q1 và Lưu Văn M đi trên 01 xe mô tô đến quán của anh Trần Văn Th ở xóm VK, xã VP, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên để uống bia. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn ĐT, xã BS, huyện SS, thành phố Hà Nội xảy ra mâu thuẫn với Nguyễn Văn T3 và Dương Văn H2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, BKS 29S6- 071.26 đi ngược chiều; Q1 và M đã dùng gạch ném, đập xe mô tô của H2, sau đó H tiếp tục lái xe mô tô chở Q1, M đến quán bia của anh Th, trên đường đi nhóm M cùng thống nhất nếu bị T3 tìm đánh thì sẽ đánh lại; đến nhà anh Th, H gọi Trần Văn N cùng đến uống bia. Do bức xúc về việc bị đánh và đập xe mô tô của mình, Nguyễn Văn T3 gọi điện cho Nguyễn Anh T và Đỗ Minh C cùng đi tìm nhóm của M để đánh; khi đến quán bia nhà anh Th, T dừng xe ở cửa quán, C cầm 01 gậy dạng tuýp bằng kim loại đi vào trước, T đi vào sau thì T3 cũng đi đến, dừng xe ở cửa rồi vào trong quán. C và T chửi tục và hỏi ai đánh T3, T3 đi vào sau và nhằm tường L2 có trong nhóm của M khi đập xe của T3 nên T3 chỉ tay vào L2, sau khi T3 chỉ vào L2 thì C dùng gậy vụt vào lưng và chân L2 02 phát, M và Q1 đứng dậy cầm 01 ghế Inox đánh lại, sau đó hai bên đánh nhau, T3 cầm ghế Inox lao vào đánh M 02 nhát, M dùng ghế đỡ được sau đó dùng tay phải lấy từ túi xách đang đeo ra 01 con dao (dạng dao gấp, dài tổng thể khoảng 20cm, phần rộng nhất của lưỡi dao khoảng 02cm, dao có 01 đầu nhọn, 01 lưỡi sắc) đâm 01 nhát trúng vào bên trái cổ T3. Sau đó M tiếp tục dùng dao đâm 01 nhát vào bên phải bụng C làm C bị thương, C có dùng gậy bằng kim loại vụt lại vào đầu và người của M; H cầm cán chổi bằng tre vụt vào C 02 nhát, T thấy M đuổi theo C liền nhặt 01 con dao ném về phía M và chạy tới vị trí dao rơi thì bị ngã. M dùng dao đâm T 03 nhát từ trên xuống, 01 nhát trúng vào gò má trái, 01 nhát vào cổ tay trái và 01 nhát vào sườn trái của T; N từ trong quán bia chạy ra nhặt 01 con dao bằng kim loại chém 02 nhát vào xe Honda SH của T. Sau đó hai bên bỏ chạy và đi đến viện cứu chữa vết thương. Hậu quả: Nguyễn Văn T3 bị tử vong do bị vật sắc nhọn đâm vào vùng cổ trái gây đứt động mạch cảnh, tĩnh mạch cảnh, mất máu cấp, suy tuần hoàn cấp dẫn đến chết. Nguyễn Anh T bị thương với tỉ lệ thương tật là 20%; Đỗ Minh C bị thương với tỉ lệ thương tật là 2%; Lưu Văn M bị thương với tỉ lệ thương tật là 4%; Xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, BKS 29S6- 540.43 bị thiệt hại là 5.700.000đ.

Đối với tội “ Cố ý gây thương tích” của Lưu Văn M trong vụ án này thì hành vi của M phạm vào khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, tuy nhiên do Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung nên hành vi của M phạm vào điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, thì theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn. Căn cứ Nghị quyết 41 Quốc hội 14 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 nên áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo M.

Hành vi của các bị cáo N, H, Q1, C, T đã gây mất trật tự trị an công cộng, hậu quả của việc xô xát dẫn đến anh T3 bị chết, việc làm và ý thức chủ quan của các bị cáo theo Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 điểm d mục 5.1 thì các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội gây rối trật tự công cộng.

Do đó bản cáo trạng số 02 ngày 08/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Lưu Văn M về các tội “Giết người” áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Cố ý gây thương tích” áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo Trần Văn N về các tội “Gây rối trật tự công cộng” áp dụng khoản 1 Điều 245 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” áp dụng khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q1, Đỗ Minh C và Nguyễn Anh T về tội “Gây rối trật tự công cộng” áp dụng khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung các Điều luật quy định:

Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

a....b...n. Có tính chất côn đồ;

Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỉ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a. Dùng... hung khí nguy hiểm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a,...đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỉ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”

Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào... cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại từ hai Tr đồng đến dưới năm mươi triệu đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Lưu Văn M là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền được sống,

được bảo hộ về tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo đáng lên án, bị cáo đã đánh mất đạo lý làm người, chỉ vì một phút không suy nghĩ bị cáo đã cướp đi tính mạng của anh T3 một cách trái pháp luật, gây thương tích cho anh T, anh C gây hoang mang trong quần chúng nhân dân; Hành vi của các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q1, Đỗ Minh C, Nguyễn Anh T xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo phải xét xử nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự, để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo M, N, Q1, H, T chưa có tiền án tiền sự, bị cáo C nhân thân có 01 tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo M, N, H, Q1 đều thành khẩn, ăn năn hối cải khai nhận hành vi phạm tội của mình, còn bị cáo C và T không thành khẩn. Sau khi phạm tội bị cáo M, N, H, Q1 khắc phục một phần hậu quả bồi thường cho gia đình người bị hại và người bị hại, các bị cáo N, Q1, H, T, C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là gây thiệt hại không lớn ở tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, M, N, Q1, H, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo M hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo, các hộ dân trong xóm có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M, bị cáo M được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên xét tính chất vụ án cũng như mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cần cách ly xã hội đối với các bị cáo có như vậy mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo M và gia đình người bị hại cũng như những người bị hại chấp nhận thỏa thuận về việc bồi thường Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bị cáo Lưu Văn M bồi thường cho gia đình anh T3 người nhận là bà Ngô Thị T4 tổng cộng các khoản 153.800.000đ, bị cáo đã bồi thường được 14.000.000đ nay còn phải bồi thường tiếp 139.800.000đ; bồi thường cho anh Nguyễn Anh T tổng cộng số tiền 94.398.000đ đã bồi thường được 7.000.000đ nay còn phải bồi thường tiếp 87.398.000đ; bồi thường cho anh Đỗ Minh C 3.000.000đ đã bồi thường được 2.000.000đ nay còn phải bồi thường tiếp 1.000.000đ.

[6] Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy số vật chứng thu giữ không còn giá trị sử dụng. Trả cho gia đình anh T3 số tiền 82.000đ; Số tiền 4.000.000đ bị cáo Q1 và H tự nguyện bồi thường cho gia đình anh T3 nên cần tuyên trả cho gia đình anh T3 người nhận là bà Ngô Thị T4; 244 mặt trước kính cường lực thu trong cốp xe SH xác định là của anh T3, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T4 từ

chối không nhận lại đề nghị tuyên tiêu hủy do đó tuyên tiêu hủy số mặt kính cường lực trên.

[7] Trong vụ án này Nguyễn Văn Q1 và Nguyễn Văn H có bàn nhau nếu bị tìm đánh sẽ đánh lại. Việc M dùng dao đâm anh T3 và T, C là do M thực hiện nên Q1 và H không đồng phạm với M về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”; Đối với Nguyễn Tiến L2 bị nhóm của T3 vô cớ đánh nên L2 đã đánh lại, hành vi của L2 là phòng vệ chính đáng nên cơ quan điều tra không xem xét hành vi của L2 là đúng quy định của pháp luật; Đối với Đỗ Đình Đ và Nguyễn Văn D2 có mặt ở nơi xảy ra sự việc nhưng Đ và D2 không tham gia đánh nhau cơ quan điều tra không xem xét là đúng quy định của pháp luật.

[8] Như phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát và của luật sư T1. Không chấp nhận đề nghị của các luật sư T2 và D1.

[9] Bị cáo M thuộc diện hộ nghèo nên được miễn khoản tiền án phí; Các bị cáo N, H, Q1, C, T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn M phạm các tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”; Bị cáo Trần Văn N phạm các tội “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q1, Đỗ Minh C và Nguyễn Anh T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

* Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lưu Văn M 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người” và 04 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội là 24 (hai mươi bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2017.

*. Áp dụng khoản 1 Điều 245, khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015; (điểm b, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”), xử phạt bị cáo Trần Văn N 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo N phải chấp hành chung cho cả hai tội là 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành bản án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2017 đến ngày 02/01/2018.

* Áp dụng khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Q1 và H), xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

- Nguyễn Văn Q1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

- Đỗ Minh C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

- Nguyễn Anh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

* Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 590; Điều 591; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo M và gia đình bị hại, những người bị hại. Buộc bị cáo Lưu Văn M bồi thường cho gia đình anh T3 người nhận là bà Ngô Thị T4 tổng cộng các khoản 153.800.000đ, bị cáo đã bồi thường được 14.000.000đ nay còn phải bồi thường tiếp 139.800.000đ; bồi thường cho anh Nguyễn Anh T tổng cộng số tiền 94.398.000đ đã bồi thường được 7.000.000đ nay còn phải bồi thường tiếp 87.398.000đ; bồi thường cho anh Đỗ Minh C 3.000.000đ đã bồi thường được 2.000.000đ nay còn phải bồi thường tiếp 1.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo M không bồi thường khoản tiền nêu trên thì bị cáo còn phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 02 viên gạch, cùng có kích thước (21 x 9,5 x 5)cm; 02 nửa viên gạch màu đỏ có kích thước lần lượt là (9 x 9 x 5)cm và (13 x 9 x 5)cm; 01 dao quắm dài 84cm, một lưỡi sắc, chuôi gỗ dài 44,5cm; 01 ghế Inox màu trắng cao 45cm, mặt ghế tròn đường kính 27cm; 01 đôi dép nhựa màu trắng; 01 đôi dép nhựa màu đen, 02 đôi dép tông màu đen; 01 áo phông cộc tay màu đen; 01 áo phông cộc tay màu xanh; 01 áo phông cộc tay màu đen đã cũ, trên áo có chữ DESIGNERFASHIONMAN; 01 áo sơ mi dài tay màu sáng, trên ngực áo có logo Samsung màu xanh; 02 chìa khóa bằng kim loại; 01 thẻ cứng có logo Samsung màu xanh in tên Nguyễn Anh T; 240 chiếc mặt trước kính cường lực kích thước mỗi chiếc (07x15,5) cm; 04 chiếc mặt trước kính cường lực kích thước mỗi chiếc (6,5x14,5) cm; 01 chiếc áo phông cộc tay màu ghi sáng, cổ áo có khóa kéo; 01 cặp sách màu nâu có các chấm sáng hình tròn và có chữ G, cặp có quai đeo màu nâu; Cặp gồm 01 ngăn chính và có 03 ngăn phụ, cặp đã qua sử dụng; 01 bì niêm phong số 3748/C54 (TT3) của Viện Khoa học hình sự- Tổng cục Cảnh sát ; 01 bì niêm phong số 4736/C54 (TT3) của Viện Khoa học hình sự- Tổng cục Cảnh sát.

Trả lại cho gia đình anh Nguyễn Văn T3 người nhận là bà Ngô Thị T4 82.000đ thu của anh T3 và số tiền 4.000.000đ do bị cáo Q1 và H tự nguyện bồi thường cho gia đình anh T3.

Tạm giữ để thi hành án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model 1280, màu đen, có số IMEI 355862/01/594905/4, máy đã qua sử dụng của bị cáo N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model 1202, màu đen, nắp lưng màu xanh đã hỏng, có số IMEI 358285/89/699365/1, máy đã qua sử dụng của bị cáo M.

Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí . Các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q1, Đỗ Minh C, Nguyễn Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở TP;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- CA tỉnh TN; Trại TG;
- Cục thi hành án dân sự;
- Các bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương